

GIỚI THIỆU THƠ HAIKU

Ban Chuyên môn Ngữ văn

Haiku là một trong số các thể thơ dân tộc của Nhật Bản, còn được gọi là bài cú, bắt đầu hình thành vào thế kỉ XVI, đạt đến đỉnh cao ở thế kỉ XVII với Matsuo Basho và sau đó là Yosa Buson, Kobayashi Issa và Masaoka Shiki,... Cho đến nay, thơ haiku vẫn tiếp tục được người Nhật yêu thích và sáng tác.

Mục lục

1. Một số đặc điểm thơ haiku	0
1.1. Về nội dung	0
1.1.1. Thiên nhiên và triết lí thiên nhiên	0
1.1.2. Cảm thức thẩm mỹ	2
1.1.2.1. Cảm thức Aware (bi cảm)	2
1.1.2.2. Cảm thức Wabi - Sabi (vẻ đẹp của sự phai tàn và giản lạng)	3
1.1.2.3. Cảm thức Karumi (khinh)	4
1.2. Về hình thức	4
1.2.1. Cấu trúc	4
1.2.1.1. Kết cấu lưng (Kết cấu hư không)	4
1.2.1.2. Thể đối - hợp	5
1.2.2. Tính hàm súc	5
1.2.3. Quý ngữ (kigo) và quý đề (kidai)	6
1.2.4. Thủ pháp nghệ thuật	6
1.2.4.1. Nghệ thuật tương phản, đối lập	6
1.2.4.2. Nghệ thuật liên tưởng, bút pháp tranh thủy mặc	7
1.2.4.3. Thủ pháp tượng trưng	7
2. Một số tác giả - tác phẩm	7
2.1. Matsuo Basho (1644 - 1694)	7
2.2. Yosa Buson (1716 - 1784)	8
2.3. Kobayashi Issa (1763 - 1828)	9
2.4. Masaoka Shiki (1867 - 1920)	10
3. Tài liệu tham khảo	12

1. Một số đặc điểm thơ haiku

1.1. Về nội dung

1.1.1. Thiên nhiên và triết lí thiên nhiên

Trong thơ Haiku, thiên nhiên là **trung tâm** của thế giới nghệ thuật, nơi con người hòa mình vào vạn vật qua những giao cảm sâu sắc, qua những nhịp đập đồng điệu. Từng cánh hoa, làn sương hay tiếng chim nơi tĩnh mịch đều là tiếng nói của vũ trụ, là nơi tâm hồn thi nhân soi chiếu chính mình trong sự tĩnh tại tuyệt đối. Haiku mở ra một không gian tinh thần nơi cái nhỏ nhiệm chứa đựng cái vô cùng, nơi con người tìm thấy sự khai sáng trong từng nhịp đập của tạo vật. Thiên nhiên trong haiku vì thế là **biểu tượng cho sự giác ngộ, cho hành trình trở về với bản thể tinh khiết nhất của tồn tại.**

Haiku là nơi hội tụ và lắng đọng sâu sắc những giá trị văn hóa tinh thần đặc trưng của cả con người Nhật Bản lẫn của các nền văn hóa phương Đông. Vì lẽ đó mà thơ Haiku mang **dấu ấn của Thiên Tông** - một thế giới thoát tục, nhấn mạnh vào việc tĩnh tâm, gạt bỏ mọi tạp niệm để nhận thức một cách đúng đắn, trọn vẹn nhất. Theo tinh thần Thiên tông, tất cả muôn loài hiện hữu trong vũ trụ đều có giá trị ngang nhau, không phân cao thấp. Đó là lý do vì sao mà Haiku sử dụng những biểu tượng thiên nhiên nhỏ bé một cách bình đẳng để diễn đạt tư tưởng lớn. Muôn loài muôn cảnh đều tương thông và cộng hưởng. Trong cách nhìn thế giới, Haiku thường thể hiện con người và vạn vật nằm trong mối quan hệ chặt chẽ, có tính chất nhất thể hóa, thể hiện sự tương giao và chuyển hóa lẫn nhau của vạn vật. Haiku hàm chứa triết lý nhân sinh sâu sắc, chứa đựng tinh thần từ bi bác ái của Phật giáo Thiên Tông.

Trong thơ haiku, **Phật tính** được hiểu là bản chất giác ngộ, thanh tịnh và sáng suốt vốn có trong mọi sự vật, từ con người đến cỏ cây, sông núi. Haiku không xem thiên nhiên chỉ là đối tượng miêu tả, mà coi đó là cái “hiện thể” của chân lý, nơi mỗi hình ảnh nhỏ bé đều hàm chứa đạo lý sâu xa. Xuất phát từ tư tưởng Thiên tông, haiku đề cao sự tĩnh thức trong khoảnh khắc hiện tại, hướng con người quay về với sự giản dị, lặng lẽ và hòa hợp với vũ trụ.

Ví dụ:

*“Hỏi thăm giọt sương
Đường về Tịnh độ
Sương trắng là Sương.”*

(Kobayashi Issa. Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơm*)

Haiku không luận giải **vô ngã – vô thường** bằng lời, mà để cảnh vật tự nói. Chỉ với một khoảnh khắc vụt qua của thiên nhiên, haiku giúp con người ý thức sự tạm thời của đời sống, từ đó đạt đến tâm thái an nhiên, chấp nhận và hòa mình vào vũ trụ. Thơ haiku hướng đến việc nắm bắt cái đẹp trong khoảnh khắc, coi mỗi sát-na (là khoảnh khắc rất ngắn, thoáng qua) của đời sống là một điểm lóe sáng của cảm xúc và nhận thức. Haiku thường chỉ tập trung vào một hình ảnh, một điểm nhìn duy nhất, nhưng qua đó mở ra chiều sâu của cả cảnh giới rộng lớn. Cái đẹp trong haiku không nằm ở sự miêu tả dài dòng hay phân tích cảm xúc, mà được kết tinh trong một khoảnh khắc trực giác, nơi tâm hồn con người như chạm tới bản chất tinh tế của sự vật. Chính việc nắm bắt một thời điểm ngắn ngủi như cánh hoa vừa rơi, tiếng chim bỗng ngừng, mặt hồ khẽ gợn đã làm bùng lên đỉnh điểm của cảm xúc, để từ đó người đọc cảm nhận được tính vô thường và vẻ đẹp mong manh của tồn tại. Nhờ vậy, haiku tuy ngắn nhưng lại chứa đựng chiều sâu triết lý, giúp con người biết dừng lại, quan sát và trân trọng vẻ đẹp giản dị của khoảnh khắc hiện tại. Một số biểu hiện về chân lý vô ngã - vô thường trong thơ Haiku: hình ảnh nhỏ bé, mong manh (nhấn mạnh đời sống vô thường), trạng thái chuyển mùa (thời gian chảy trôi không ngừng, thế giới luôn biến dịch), tầm nhìn không có cái tôi (ít dùng “tôi” hay “ta”- hướng đến cái vô ngã, hòa mình vào thiên nhiên), khoảnh khắc hiện tại (nơi chân lý hiển lộ).

Ví dụ:

*“Biển xuân lặng lẽ
suốt ngày dập dềnh thôi
dập dềnh mà thôi.”*

(Yosa Buson. Nguyễn Duy Bình dịch, *Tìm hiểu phong cách thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa*)

Trong thơ haiku, tình yêu thiên nhiên và con người giao hoà như hai dòng chảy không tách rời, tức trong thiên nhiên có con người, và trong con người ngân vang hơi thở của vũ trụ. Giữa thế giới mênh mông, haiku không phóng đại mà lặng lẽ chạm vào bản chất tinh khiết nhất của sự sống: đó là tình cảm dịu dàng, khiêm nhường, nhưng thấm sâu, nơi con người tìm thấy chính mình trong từng chiếc lá rơi, làn mưa nhẹ, hay ánh trăng phai trên mặt nước. **Tình yêu thiên nhiên** trong thơ Haiku được đặt ở vị trí trung tâm và được biểu đạt qua quan niệm coi thiên nhiên như một chỉnh thể sống động, hàm chứa giá trị tinh thần. Thiên nhiên không chỉ là đối tượng thưởng ngoạn mà còn là ngôi nhà tâm linh nơi con người tìm lại sự cân bằng nội tại. Những cuộc chu du thiên nhiên vô hình chung lại chính là những cuộc hành hương tinh thần nhằm giác ngộ các chân giá trị. Mỗi hình ảnh trong haiku, dù nhỏ bé như cánh hoa rụng, giọt sương sớm hay tiếng ve cuối mùa, đều là biểu tượng gợi mở về dòng chảy của sự sống, qua đó khơi dậy cảm thức thẩm mỹ tinh tế và ý

niệm về tính vô thường. Từ nền tảng ấy, haiku hình thành **tình yêu con người** theo cách gián tiếp và lặng lẽ: con người được đặt trong mối tương giao hài hòa với vũ trụ, không nổi bật như chủ thể mà hòa tan vào cảnh giới chung. Tình yêu trong haiku vì thế không thiên về biểu cảm mãnh liệt mà thể hiện qua sự **thấu hiểu, đồng cảm và kính trọng** đối với sự sống ở mọi hình thái của nó. Điều này góp phần tạo nên chất nhân văn sâu sắc và giọng điệu thanh đạm, tinh tế của thể thơ haiku.

Ví dụ:

“*Hoa triều nhan
Trong bức tranh dờ
Vẫn buồn man man*”
(Matsuo Basho. Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơ*)

1.1.2. Cảm thức thẩm mỹ

1.1.2.1. Cảm thức Aware (bi cảm)

Từ thuở sơ nguyên của văn học xứ Phù Tang, Aware xuất hiện trong văn học cổ như những rung động cảm tính trực tiếp, thuần khiết và không bị pha tạp, phản ánh cách con người thời ấy tiếp nhận thế giới một cách tự nhiên và chân thực. Thuật ngữ aware (gọi đầy đủ là *mono no aware*) dùng để chỉ quan niệm thẩm mỹ của người Nhật thời Heian, thế kỉ XI. Xét về mặt nghĩa, “aware là **bi cảm**, được sử dụng điển hình nhất là biểu thị một cảm giác dịu nhẹ, nhuốm **nỗi buồn tiếc nuối trước cái đẹp ngắn ngủi, chóng tàn**” (William J. Puett, *Hướng dẫn đọc Truyện Genji*). Những rung động tinh tế và sâu lắng trong đời sống cảm xúc của con người được kết tinh trong khái niệm aware. Thuật ngữ này diễn tả trạng thái cảm xúc dồn nén đến điểm cực độ, rồi bất chợt bộc lộ ra bên ngoài. Aware thường gắn với những xúc cảm thoáng chốc, xuất hiện trong một khoảnh khắc ngỡ ngàng, bàng hoàng hay rung mình trước vẻ đẹp hoặc sự biến dịch của cảnh vật và đời sống. Đúng như Okazaki Yoshie nhận định, “nó chỉ ra dạng thức cơ bản nhất của sự biểu cảm. Nó tồn tại bất cứ ở đâu, thậm chí sau này khi Nhật Bản phát triển văn hóa cao hơn, aware trở thành dạng thức lịch sự, là nền tảng cơ bản đối với sự thích ứng đa dạng với văn hóa bên ngoài”. Bàn về cảm thức thẩm mỹ Aware, **yếu tố nữ tính** là không thể không nhắc đến. Đó là sự dịu dàng, bền lữ, kín đáo của vẻ đẹp tiềm ẩn, khó mà hiển lộ, chỉ có thể cảm, chẳng gọi tên - những dáng dấp tinh thần vô danh. Thông qua bi cảm, trái tim con người có những dao động tương đồng với khách thể, nhìn nhận ngoại tại mà thấu hiểu nội tại. Ngoài ra, Aware chịu ảnh hưởng của tinh thần Phật giáo, chủ yếu là Thiền tông, thể hiện trong triết lý vô thường. “Người đời như bóng phù du, sớm còn tối mất, công phu lỡ làng”. Định mệnh của muôn kiếp nhân sinh luôn nằm trong quy luật bất biến: sinh - trụ - hoại - diệt. Bởi thế vạn vật là nhất thời, **cái đẹp là mong manh**. “Sự tồn tại sinh học của vẻ đẹp thì ngắn ngủi, còn hương thơm của nó lưu truyền đến ngàn đời sau” - Hoàng Thị Mỹ Nhị. Con người Nhật Bản đánh giá cao những gì ở trạng thái ban sơ, tinh khôi, không tồn tại lâu dài và không thể chạm tới. Đứng trước cái đẹp viên mãn phù du, nỗi buồn phảng phất khi chiêm ngưỡng sự lụi tàn mỹ lệ chính là cảm thức Aware.

Ví dụ:

“*Giữa mùa thu tàn
Vươn lên từ rác
Một cảnh triều nhan*”
(Tan Taigi. Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơ*)

1.1.2.2. Cảm thức Wabi - Sabi (vẻ đẹp của sự phai tàn và giản lược)

Trong mỹ học Nhật Bản, wabi - sabi không chỉ là sự cộng gộp cơ học của hai khái niệm wabi và sabi, mà là một trường cảm thức thống nhất, một thế giới quan riêng biệt hướng con người đến vẻ đẹp thâm trầm, thanh đạm và mang ý nghĩa triết lý sâu xa về sự tồn tại. Về từ vựng, sabi 寂び vốn được danh từ hóa từ động từ *sabu* có nghĩa là suy tàn, phai nhạt theo thời gian. Sabi cũng có nghĩa là trạng thái **tĩnh lặng** khi con người qua đời, cũng có nghĩa là lớp mốc xanh trên đồ đồng xưa. “Sabi là linh hồn của tịch liêu và xa xưa. Đó là miền tĩnh mịch trong những kinh nghiệm ở thiền quán mà

người ta cảm thấy.”- Nhật Chiêu. Wabi là cái **đơn sơ**, bình thường mà ta bắt gặp ở những sự vật khiêm tốn nhất và dường như nghèo nàn nhất như một con ốc nhỏ, một chiếc lá rơi. Đó là cái bình dị trong quan hệ phổ quát của nhân sinh và vũ trụ được bùng nổ qua cảm thức tâm linh - cảm thức mà con người chỉ có thể có được bằng một sự nỗ lực của tri giác về quan hệ giữa con người và thế giới. Những vẻ đẹp được phóng chiếu qua Wabi là cái đẹp dung dị nhưng thanh cao với tinh thần thanh bần an lạc (không vướng bận đa mang, an với đạo, yên với đời). Wabi-sabi là nơi cái giản dị gặp gỡ cái tàn phai, nơi sự bất toàn trở thành nẻo đường dẫn vào chiều sâu nhân sinh.

Ở tầng nghĩa gốc, Sabi không chỉ đơn thuần là nỗi cô đơn, mà là một **“cảm thức cô đơn mang vẻ đẹp thanh cao”**, giàu chất hùng tráng và không hề nhuốm màu bi lụy cá nhân. Vạn vật trong cảnh đìu hiu tĩnh lặng, tức là tất cả đã chìm vào hư vô và dung chứa lẫn nhau, thoát khỏi cái bản ngã. Và như vậy, Sabi là niềm cô tịch vô ngã. Đứng trước sự bơ vơ, lạc lõng, mênh mông trong lòng người, ta càng cảm nhận được sắc thái của cảm thức Sabi - nỗi buồn nhuốm màu quan san, những thổn thức bi ai của tâm cảnh. Trong khoảnh khắc ấy, ta càng thấu thị về sự chảy trôi không ngừng của thời gian, ngộ nhận những chiêm nghiệm nhân sinh về vòng luân hồi vô thường của sự sống. Để từ đó ta càng thêm trân trọng sự mong manh của kiếp người trần tục.

Ví dụ:

“Ôi hoa triều nhan
Lê mình trên đất
Trong sân nhà hoang”
(Masaoka Shiki. Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơ*)

Bàn về Wabi, mặc dù gắn liền với sự giản dị và thiếu thốn về vật chất, nhưng lại là một biểu tượng cho **cái đẹp tiềm ẩn trong sự khiêm nhường**, sự không hoàn hảo và tự nhiên. Theo D.T.Suzuki : “ Wabi là sống cuộc đời bình thường trong sự thanh bần hay tri túc, thiếu dục,...thiên về các tính chủ quan”. Nó thể hiện sự thanh thoát, tự do trong cuộc sống giản đơn, và là một sự thấu hiểu sâu sắc về cái đẹp của sự mờ nhạt, của những vết thương cũ kỹ hay sự tàn phai thời gian. Chính trong những điều tưởng chừng như nghèo nàn đó, Wabi lại mang đến một cảm giác trọn vẹn, bình an, như thể chúng ta đang tìm về bản thể chân thật của mình trong một thế giới đầy bộn bề.

Ví dụ:

“Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước reo”
(Matsuo Basho. Nhật Chiêu dịch)

Khi hòa vào nhau, wabi - sabi trở thành cảm thức về sự tĩnh tại vô ngôn: một thế giới không đo lường bằng sự hoàn mỹ mà bằng những vết nứt, những bào mòn, những khoảng trống gợi mở, nơi cái không trọn vẹn lại mang năng lực biểu đạt mạnh mẽ hơn bất cứ sự tròn đầy nào. Đó là vẻ đẹp “không hoàn hảo mà chân thật”, “không lộng lẫy nhưng thâm trầm”, nơi mỗi dấu vết thời gian đều trở thành một phần tự nhiên của bản thể sự vật.

Wabi - sabi hướng đến sự giản lược tối đa nhưng không phải sự nghèo nàn; đó là sự giản dị đã được thăng hoa thành một trạng thái tinh thần: sự an nhiên với những gì mộc mạc, thô ráp, chưa được mài giũa. Trong thế giới quan ấy, những vật nhỏ bé và khiêm nhường lại kết tinh tinh thần của vũ trụ. Một chiếc lá rơi, một mái nhà cũ, một chiếc bát sứ rạn men... đều mang trong mình một phẩm chất thâm lặng: sự thật của thời gian, hữu hạn, của nỗi mong manh. Con người, khi đối diện với wabi - sabi, không chỉ chiêm ngưỡng cảnh sắc mà còn soi thấy chính bản thân mình - một sinh mệnh cũng chịu sự chi phối của tàn phai và vô thường.

1.1.2.3. Cảm thức Karumi (khinh)

Trong mỹ học haiku, karumi không chỉ là một phẩm tính phong cách mà là một cảm thức toàn diện, một phương thức tri nhận thế giới thấm đẫm tinh thần thiền và tính trực giác. Cảm thức Karumi là niềm **thanh bình, thanh thoát, dịu nhẹ**

với một phong thái ung dung, tự tại. Dazai Osamu từng giải thích về Karumi rằng: “Đó là một luồng gió ào tới sau những nỗ lực hết mình và mồ hôi tủa ra đầm đìa. Đó là một chú chim được sinh ra từ bầu không khí bức bối sau cuộc đại loạn của thế giới, và nó nhẹ bẫng đến nỗi đôi cánh như trong suốt.” Một đặc điểm khác của karumi là tính hài hước, qua đó thể hiện thái độ **bình thản, vô tư** lự của thi nhân trước mọi sự trên đời. Karumi được dùng để đạt tới lý tưởng kogo-kizoku, tức “cao ngạo quy tục” (ngạo với thanh cao, về với thế tục). Chỉ khi tâm hồn đạt được sự tĩnh lặng, con người mới có thể cảm nhận được vẻ đẹp ẩn chứa trong những điều giản dị của cuộc sống; và để khai thác được sự tinh hoa ấy, cần phải có sự kết hợp giữa khả năng sáng tạo tinh tế và trí tuệ cao thượng.

Ví dụ:

“Mưa mù sương
Phù dung một đóa
Làm mùa lên hương.”

(Matsuo Basho. Nhật Chiêu dịch, *Basho và thơ haiku*)

1.2. Về hình thức

1.2.1. Cấu trúc

Cấu trúc của thơ Haiku truyền thống vốn rất **cô đọng và chặt chẽ**. Một bài thơ Haiku thường có 3 dòng với chức năng khác nhau:

- Dòng thứ nhất giới thiệu.
- Dòng thứ hai tiếp tục ý trên và chuẩn bị cho dòng thứ ba.
- Dòng thứ ba kết lại tứ thơ nhưng không bao giờ rõ ràng, đủ ý

Gồm 3 dòng (dòng 1,3 có năm âm tiết, dòng 2 có bảy âm tiết) hay 17 âm tiết theo mô hình 5-7-5. Không tuân thủ vần điệu, thơ Haiku hiện đại có dạng biến thể lên đến 18 âm tiết trọn bài hoặc ít hơn 17 âm tiết. Trọng tâm nằm ở sự kết hợp **hình ảnh, màu sắc, thanh âm** với những từ ngữ có chọn lọc, mang đậm tính ẩn dụ.

Ví dụ:

“Furuike ya
kawazu tobimoku
mizu no oto.”

“Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước reo”

(Matsuo Basho. Nhật Chiêu dịch)

1.2.1.1. Kết cấu lửng (Kết cấu hư không)

Kết cấu hư không trong thơ Haiku không chỉ là sự lược giản câu chữ, mà là một **mô thức thẩm mỹ hướng về chiều sâu lặng yên nơi tâm thức**. Hư không ở đây không phải là cái trống rỗng vô nghĩa, mà là khoảng thở, là khe hở huyền vi giữa các hình ảnh, ngôn từ và cảm xúc, nơi trực giác người đọc được đánh thức để tự hoàn tất bài thơ trong tâm tưởng mình. Haiku vốn chỉ gói trong 17 âm tiết ngắn ngủi, nhưng chính sự giới hạn ấy tạo dựng nên một không gian mở vô biên. Câu chữ Haiku không miêu tả, không diễn giải, không bình luận, nó dừng lại ở ngưỡng cửa của điều muốn nói, để cái không được nói ra trở thành nội dung chân thật nhất. Vì thế, kết cấu Haiku luôn có xu hướng ngắt đoạn đột ngột (kireji), tạo nên một khoảng trống tư tưởng tựa như tiếng vang ngân chưa kịp tắt trong lòng người.



Kireji hiện diện như điểm nhấn âm điệu giúp khơi gợi, định hình và nâng cao cảm xúc. Về phương diện hình thức, kireji thường xuất hiện ở cuối câu hoặc giữa câu, tạo ra sự ngắt nghỉ, giúp chia bài thơ thành những mảng ý tưởng, đồng thời làm **nổi bật** hình ảnh, hành động hoặc trạng thái cảm xúc được miêu tả. Về mặt nội dung, kireji không chỉ là dấu chấm hay dấu phẩy ngôn ngữ học mà còn là công cụ **biểu đạt** tinh vi, mở ra khoảng lặng để người đọc suy tưởng, liên tưởng, và cảm nhận sự tương tác giữa các mảng hình ảnh. Nhờ vậy, kireji không chỉ định hình nhịp điệu, mà còn là phương tiện thẩm mỹ tối thượng, khiến từng chữ, từng khoảnh khắc trong haiku trở nên sống động và vang vọng dư âm tinh thần, đồng thời kết nối con người với thiên nhiên trong sự chiêm nghiệm sâu sắc. Dưới đây là một số ví dụ điển hình về kireji trong thơ haiku Nhật Bản:

1. や (ya) – thường xuất hiện ở cuối câu, tạo khoảng ngừng để nhấn mạnh hình ảnh hoặc mở ra không gian liên tưởng.

Ví dụ:

"Furuike ya
kawazu tobimoku
mizu no oto."

("Ao cũ/Con ếch nhảy vào/Vang tiếng nước reo")

→ "ya" ở cuối câu đầu tạo ra khoảng ngừng, khiến hình ảnh đầm cỏ hiện lên sống động trong tâm trí người đọc.

2. かな (kana) – mang sắc thái cảm thán, bày tỏ cảm xúc ngạc nhiên, ngậm ngùi hoặc chiêm nghiệm.

• Ví dụ:

"Aki no kure kana"
("Chao ôi, chiều thu...")

→ "kana" nhấn mạnh cảm giác băng khuâng, trầm mặc.

3. けり (keri) – diễn tả sự nhận thức hoặc hồi tưởng, thường dùng để kết thúc câu và gợi cảm giác chợt nhận ra.

• Ví dụ:

"Furuike ni kawazu tobikomi keri."
("Ếch chợt nhảy xuống đầm cũ...")

→ "keri" nhấn nhá khoảnh khắc vừa diễn ra, vừa được người thơ chiêm nghiệm.

Kireji tạo ra khoảng ngừng, nhịp điệu và không gian suy tưởng, từ đó hình thành "hư không" - khoảng trống chứa đựng liên tưởng và cảm xúc vô tận. Kết cấu hư không trong Haiku vì vậy mang **tính bản thể học**: nó cho thấy thế giới không được cấu thành từ những cái hiện hữu dày đặc, mà từ những khoảng lặng, những quãng trống kết nối các hiện hữu ấy. Người đọc không tiếp nhận bài thơ như một thông điệp hoàn chỉnh, mà như một **dấu hiệu**, mời gọi sự cộng hưởng từ kinh nghiệm cá nhân.

1.2.1.2. Thể đối - hợp

Thể đối hợp trong thơ Haiku là một cấu trúc mỹ học đặc thù, nơi hai hình ảnh hoặc hai lớp ý niệm được đặt cạnh nhau như hai mảng sáng - tối, tương chiếu mà không hòa trộn. Ở đây, Haiku vận hành bằng nguyên lý **"đồng hiện mà không giải thích"**: một cảnh vật, một trạng thái, một âm thanh hoặc một chuyển động của tự nhiên được đặt song hành với một dấu hiệu tinh tế khác. Hai hình ảnh như hai vì sao xa nhau, nhưng cái nhìn của người đọc sẽ tự vạch quỹ đạo liên



hệ vô hình giữa chúng. Trong Haiku, thế đối hợp không chỉ là cơ chế hình tượng, mà còn mang **tính triết mỹ Đông phương**: Nó khẳng định vạn vật tồn tại trong quan hệ vi tế, không tách biệt. Nó biểu hiện cảm thức *mono no aware*: đẹp chính vì mong manh, hiện ra trong khoảnh khắc rồi tan. Nó làm rõ tinh thần **“nhất tức vạn, vạn tức nhất”**: một hình ảnh nhỏ hàm tàng toàn thể thiên địa.

Ví dụ:

“Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước reo”
(Matsuo Basho. Dịch: Nhật Chiêu)

→ Đối giữa sự tĩnh lặng (“ao cũ”) và âm thanh (“tiếng nước reo”).

1.2.2. Tính hàm súc

Haiku là nghệ thuật tinh giản hóa ngôn từ để tối đa hóa chiều sâu ý nghĩa, **ý tại ngôn ngoại**, có hàm nghĩa sâu rộng hơn mặt chữ. Mỗi tác phẩm, mỗi dòng thơ, mỗi con chữ chỉ là gợi và “chứa lại đất” - một khoảng lặng cho bạn đọc khơi mở suy tưởng. Những khoảnh khắc, những cái chạm của thiên nhiên, những dòng cảm xúc chính là nơi ẩn giấu câu chuyện, triết lý trong Haiku - nét gợi. Thơ Haiku thường nghiêng về sự im lặng nhằm khơi dậy khát vọng làm đầy của con người. Người đọc, khi đối diện với sự thiếu vắng cố ý của câu thơ, sẽ vô thức đem trải nghiệm, ký ức và cảm thức riêng của mình để lấp đầy nó. Nhờ vậy, mỗi bài Haiku không chỉ có một nghĩa, mà có vô số nghĩa, **mỗi lần đọc là một lần tái sinh**. Có thể nói, Haiku là nghệ thuật của cái chưa hoàn thành, nhưng lại hoàn chỉnh trong chính sự dở dang của nó, là tiếng nói của lặng im nhưng rất vang vọng trong miền tri nhận người đọc.

Ví dụ:

“Ông lão đánh cá
Chú tâm bất động
Trong làn mưa đêm.”
(Matsuo Basho. Thanh Châu dịch)

1.2.3 Quý ngữ (kigo) và quý đề (kidai)

Trong không gian tinh tế của thơ haiku, kigo và kidai hiện lên như hai yếu tố giao hòa, bổ sung lẫn nhau, đồng thời kiến tạo chiều sâu thẩm mỹ và cảm xúc. **Quý ngữ** trong thơ Haiku là từ ngữ chỉ **mùa** trong năm, có thể xuất hiện **trực tiếp** (như “tuyết”, “hoa đào”, “lá phong”) hoặc **gián tiếp** qua hình ảnh, hành động, âm thanh đặc trưng của từng khoảng thời gian trong tự nhiên. Không chỉ đơn thuần xác lập bối cảnh, quý ngữ còn làm nổi bật **cảm thức thời gian tuần hoàn** - nơi vạn vật vận động trong chu trình sinh - diệt, đến - đi, nảy nở - tàn phai. Thông qua quý ngữ, Haiku kiến tạo nên mối liên kết sâu sắc giữa con người và thiên nhiên: thiên nhiên không chỉ là phong nền mà là một thực thể đối thoại và đồng vọng với nội tâm con người. Ở đó, mỗi sắc hạ rực rỡ hay tàn thu hiu hắt đều trở thành tiếng nói của cảm xúc, của suy tư về vô thường và lưu chuyển của đời sống. Quý ngữ cũng hàm chứa lớp ý nghĩa văn hóa và tâm linh đặc trưng của người Nhật: lòng tôn trọng tự nhiên, ý thức về khoảnh khắc, và tinh thần “*mono no aware*” - cảm thức băng khuâng trước vẻ đẹp mong manh. Nhờ vậy, quý ngữ không chỉ biểu đạt mùa mà còn tạo nên tính biểu tượng, làm sâu sắc thêm cảm xúc và tư tưởng của bài thơ. Mỗi quý ngữ giống như một “cửa ngõ” mở ra chiều sâu văn hóa. Có thể nói, quý ngữ là linh hồn của Haiku - nơi cái hữu hạn của hình ảnh chứa đựng cái vô hạn của cảm xúc và triết lý.

Kigo không chỉ định hình bối cảnh thời gian mà còn thấm đẫm tinh thần văn hóa, gợi lên rung động nội tâm, làm tôn thêm ý nghĩa của **kidai - hệ thống đề tài gắn với bốn mùa** được dùng làm chủ đề cho thơ Haiku, thể hiện không khí, cảnh sắc, hoạt động, tâm thế của con người ở từng mùa. Quý đề gồm bốn nhóm chính: **Xuân** (hồi sinh, khởi đầu, trong trẻo), **Hạ** (sôi động, nồng nàn mãnh liệt), **Thu** (lãng động, suy tư, u tịch), **Đông** (tàn úa, tĩnh lặng, hồi kết). Mỗi mùa mang ý vị riêng, góp phần tạo cảm thức thẩm mỹ và chiều sâu triết lý trong haiku. Phạm trù đề tài theo mùa ấy thể hiện



triết lí hòa hợp thiên nhiên của con người Nhật Bản, đồng thời khắc họa vòng luân hồi tuần hoàn của vũ trụ, nhấn mạnh sự vô thường (một tư tưởng quan trọng của Thiền Tông). Với sức nặng của chủ đề, nhờ kigo mà được khoắc lên lớp áo mùa sắc, khiến từng hình ảnh, từng chi tiết đều vang lên âm hưởng hàm súc, tinh vi. Chính sự hòa điệu này tạo nên sức sống riêng biệt của haiku, nơi con người và thiên nhiên giao thoa trong từng nhịp chữ và từng khoảnh khắc tinh tú.

Một số quý ngữ thường thấy:

Mùa xuân	Hoa anh đào	Hoa mơ	Ếch	Mưa xuân	Chim hót
Mùa hạ	Ve sầu	Mưa rào	Đom đóm	Lá xanh	Trăng hè
Mùa thu	Lá phong đỏ	Trăng	Hoa cúc	Sương	Quạ
Mùa đông	Tuyết	Sương giá	Hoa trà	Băng	Củ cải trắng

1.2.4. Thủ pháp nghệ thuật

1.2.4.1. Nghệ thuật tương phản, đối lập

Đó là sự đối lập tương phản giữa cái vô hạn - hữu hạn, giữa không - có, giữa cái lớn - bé, xa - gần, con người - vũ trụ... (Hà Văn Lưỡng). Haiku không dùng tương phản để phân chia thế giới, mà để khơi sáng điểm giao nhau - nơi vạn vật lặng lẽ soi chiếu và hiển lộ vẻ đẹp mong manh của tồn tại. Tương phản ở đây là độ lệch tinh vi: giữa động và tĩnh, sáng và mờ, khoảnh khắc hữu hình và dư âm vô hình. Chính sự đối lập nhẹ như hơi thở ấy mở ra chiều sâu vô ngôn, nơi tâm thức người đọc tự hoàn tất bài thơ.

Ví dụ:

“Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước reo”
(Matsuo Basho. Dịch: Nhật Chiêu)

1.2.4.2. Nghệ thuật liên tưởng, bút pháp tranh thủy mặc

Nghệ thuật liên tưởng và bút pháp tranh thủy mặc trong Haiku đều dựa trên nguyên tắc **gợi hơn tả**. Thay vì dựng đầy chi tiết, thơ chỉ chấm phá nhẹ vài nét hình, thanh, sắc, để không gian còn lại được trả về cho trí tưởng tượng người đọc. Như nét cọ loãng trong thủy mặc, Haiku không khép kín hình ảnh, mà để chúng mờ biếc, thoáng hiện. Sự vật hiện ra như vừa kịp chạm mắt đã trôi, khiến tâm thức phải tự bồi đắp liên tưởng, tự kéo dài đường thở của bài thơ trong khoảng lặng sau câu chữ. Ở đây, cái đẹp không nằm trong điều được mô tả, mà trong dư ảnh; không ở hình ảnh cụ thể, mà ở nét rung mơ hồ giữa cảnh vật và tâm hồn. Tựu trung, Haiku vẽ bằng khoảng trống, và chính khoảng trống ấy mới là bức tranh.

Ví dụ:

“Đàn nhạn đi rồi
cánh đồng trước cửa
dường như xa xôi”



(Yosa Buson. N.A.D dịch, *Mùa xuân trong thơ Yosa Buson*)

1.2.4.3. Thủ pháp tượng trưng

Thủ pháp tượng trưng trong Haiku là nghệ thuật chọn lấy một **chi tiết nhỏ nhất để gợi mở toàn thể**, dùng rất ít từ nhưng đánh thẳng vào thần thái của sự vật. Không miêu tả lớp vỏ bề ngoài, Haiku chạm đến linh hồn của cảnh và vật, để từ một hình ảnh tối giản như giọt sương, cánh hoa, tiếng côn trùng có thể bật lên cảm xúc và suy tư sâu kín. Sự tượng trưng ở đây không mang tính ước lệ cầu kỳ, mà là tinh lọc đến độ trong suốt: điều nói ra là hình ảnh, điều được cảm nhận mới là tâm cảnh. Haiku không giải thích cảm xúc, mà để sự vật tự tỏa hàm ý. Một nét chấm nhẹ, nhưng dư vang lan ra như vòng sóng, đưa người đọc bước vào độ tĩnh mờ của trực giác, nơi ý và cảnh hòa làm một.

Ví dụ:

"Cành khô
Quạ đậu
Chiều thu."

(Matsuo Basho. Lê Thị Bình dịch)

2. Một số tác giả - tác phẩm

2.1. Matsuo Basho (1644 - 1694)

a) Tác giả

Phong cách haiku của Basho nổi bật với **sự giản dị, triết lí và tập trung vào mối liên kết giữa con người và thiên nhiên**. Ông thường sử dụng thiên nhiên làm phương tiện để phản ánh thế giới nội tâm của con người, tạo nên sự hòa quyện giữa hai yếu tố.

Basho khai thác hiệu quả "kết cấu hư không", sử dụng ngôn từ cực kì chặt chẽ để tạo ra khoảng trống, để ý nghĩa và cảm xúc nảy nở, cho phép người đọc tự do suy ngẫm và cảm nhận ý nghĩa sâu xa hơn.

Cảm thức u huyền (yugen): Bằng cách khắc họa những khoảnh khắc bình dị, Basho đã gợi lên **sự huyền bí của vũ trụ và vẻ đẹp bất tận của thiên nhiên**. Cảnh vật thiên nhiên trở thành tấm gương phản chiếu tâm thức, nơi những suy tư về sự sống và cái chết, về sự trôi chảy của thời gian được thể hiện một cách tinh tế.

b) Tác phẩm

1)

"Vắng lặng u trầm
thấm sâu vào đá
tiếng ve ngâm."

(Dịch: Nguyễn Vũ Hiệp, *Haiku như một nghệ thuật sống (Kỳ 2)*)

Xác định quý ngữ: "tiếng ve" → mùa hè: (ở Nhật) mùa của nắng nóng, của tiếng ve râm ran.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Basho, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- **Sự tĩnh lặng tuyệt đối của không gian và tâm hồn.** "Vắng lặng u trầm", sự tĩnh lặng không phải vì thiếu vắng âm thanh mà như tâm an nhiên giữa dòng âm thanh của vũ trụ, là sự tĩnh tại trong đời sống. Ở đây, một nghịch lí đã được khắc họa tinh tế, là bút pháp "lấy động tả tĩnh", khi "tiếng ve ngâm" tạo nên sự tương phản với "vắng lặng u trầm", khắc họa rõ nét hơn không gian tĩnh mịch, lặng yên ấy.
- Trong không gian "vắng lặng", "u trầm", "tiếng ve ngâm" như "thấm sâu vào đá", dù đá rắn rỏi, là một sự vật không thể lay chuyển, nhưng trong sự tĩnh lặng, đá cũng có thể thấm thía âm thanh → Trong sự thanh bình, tĩnh mịch hay sự tập trung, chăm chú, ngay cả đối với những thứ rắn rỏi thì kiến thức hay suy ngẫm, tâm tình vẫn có thể tác động đến, thấm sâu vào.



- Vạn vật tác động đến nhau, “tiếng ve ngân” “thấm sâu vào đá”, là sự hòa quyện giữa con người với thiên nhiên, thiên nhiên với thiên nhiên, con người với con người. Đó là **sự hòa quyện giữa cái tĩnh “vắng lặng” và cái động “tiếng ve”**, bộc lộ tính chất vạn vật nhất thể ở thơ haiku. Hơn nữa, “vắng lặng u trầm” có thể không chỉ là sự tịch mịch của không gian, mà còn là sự **tĩnh tại, an nhiên của tâm hồn** con người, và tiếng ve đến từ không gian bên ngoài đã tác động đến không gian tinh thần ấy, nhấn mạnh vào sự sâu thẳm, an nhiên của tâm hồn đầy Phật tính.

2)

*“Từ bốn phương trời xa
cánh hoa đào lá tả
gợn sóng hồ Bi-oa”*

(Dịch: Đoàn Lê Giang, Sách giáo khoa lớp 10 CTGDPT 2006)

Xác định quý ngữ: “cánh hoa đào” → mùa xuân: một khoảnh khắc thanh bình cuối xuân, khi cánh hoa đào rơi lá tả.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Basho, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- Không gian **động mà tĩnh**: “cánh hoa đào” là sự vật động, “lá tả”, trong khi “hồ Bi-oa” vốn là sự vật tĩnh, với mặt nước lặng yên mà mênh mông trong không gian rộng lớn “bốn phương trời xa”. Mặt hồ lặng là thế mà đã “gợn sóng” vì “cánh hoa đào lá tả”, bộc lộ mối liên kết chặt chẽ giữa những sự vật tự nhiên, vạn vật tác động đến nhau, hòa hợp với nhau trong không gian bao la, tĩnh lặng. Là tiếng nói cảm xúc cho vẻ đẹp của cánh hoa anh đào, dù tàn phai nhưng vẫn tinh tế, nhẹ nhàng mà lưu lại trong tâm trí con người.
- Hình ảnh hoa đào, biểu tượng cho mùa xuân, cũng cho vẻ đẹp ngắn ngủi của tuổi trẻ con người, nay rụng rơi, “lá tả” tan vào không gian: một sự tàn phai không ào ạt, mà tựa như một nỗi buồn êm đềm của kiếp người, được **chấp nhận một cách an nhiên**.
- Bài thơ như một khúc lặng giữa đời, nơi con người lặng nhìn vạn vật thay đổi và nhận ra sự vô thường của thời gian, khi mọi thứ đều đang trôi đi, và **vẻ đẹp** lớn nhất nằm trọn vẹn **trong khoảnh khắc**. Ở bài thơ, là khoảnh khắc cánh hoa đào lá tả rơi xuống hồ Bi-oa, một khoảnh khắc dù đẹp, nhưng cũng sẽ qua. Tác giả an yên chấp nhận sự vô thường ấy mà trân trọng những cái đẹp đang trôi qua trong tức khắc.

→ Hình ảnh cánh hoa đào rơi là **vẻ đẹp của cái vô thường**, bộc lộ sự luân chuyển không ngừng của vạn vật.

2.2. Yosa Buson (1716 - 1784)

a) Tác giả

Thơ haiku của Buson nghiêng về miêu tả **vẻ đẹp đời thường, trần tục mà mang đậm tính nhân bản**. Ông tập trung vào những hình ảnh sống động, đặc biệt là màu sắc. Buson cũng là một nghệ sĩ haiga (hài họa), một lối tranh đơn sơ, tĩnh mặc, nên thơ ông là **sự kết hợp giữa hội họa và thi ca**, ông kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính chất biểu hiện của hội họa và tính gợi tưởng của thi ca.

Ông là “nhà thơ của mùa xuân” trên thi đàn Nhật Bản. Thơ về **mùa xuân** của Buson ẩn chứa những quan niệm nhân sinh thấm đẫm tinh thần nhân văn của một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống sâu sắc.

b) Tác phẩm

1)

*“Trong ngôi chùa cổ
hoa đào nở
người đàn ông đập lúa”*

(Dịch: Nguyễn Duy Bình, *Tìm hiểu phong cách thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa*)

Quý ngữ: “hoa đào nở” → mùa xuân.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Buson, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- **Sự hòa quyện giữa con người và thiên nhiên**: nhịp đập của mùa xuân được tác giả bắt nhịp qua hành động giữa tự nhiên và con người, “hoa đào nở” và “người đàn ông đập lúa”. Chỉ là một **khoảnh khắc bình thường** của đời sống, mà đã bộc lộ mối liên kết sâu sắc giữa vạn vật trên thế giới, đều cùng hòa chung nhịp đập trong sự



tươi mới của mùa xuân. Đó là sự hòa quyện mang đậm màu sắc đời thường, gắn liền với cuộc sống lao động của con người, hành động “đập lúa” của người đàn ông là kết quả của một vụ mùa thành công, kết quả của một quá trình đầy cực nhọc và tỉ mỉ của con người. Hành động đập lúa được hòa nhịp cùng sự nảy nở của mùa xuân cho ta cảm nhận tình yêu thiên nhiên, đất trời và con người của nhà thơ, một **tình yêu bình dị** mà đầy tính **nhân văn**.

- Mùa xuân trong thơ Buson chuyển mình từ **tất cả sự vận động của vũ trụ**, con người, được thể hiện qua sự kết hợp hài hòa của ba hình ảnh ngôi chùa cổ, hoa đào và người đàn ông. Ba hình ảnh ấy tạo nên ba nấc thang của không gian, trên cao, lưng chừng và dưới thấp; ở mỗi nấc thang đều có một chủ thể, nhưng được một chủ thể lớn hơn bao bọc. Đó là mùa xuân.

2)

“Đàn nhạn đi rồi
cánh đồng trước cửa
đường như xa xôi”

(Dịch: N.A.D, *Mùa xuân trong thơ Yosa Buson*)

Quý ngữ: “đàn nhạn đi rồi” → mùa xuân. Ở Nhật, nhạn bay đến vào mùa thu khi khí trời se lạnh, bay về phương Bắc vào cuối xuân khi thời tiết dần ấm trở lại.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Buson, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- Bài thơ bộc lộ **nỗi niềm luyến tiếc** không muốn xuân qua, nhưng đó vốn dĩ là quy luật tự nhiên của đất trời, một vòng luân chuyển không thể thay đổi. Cánh nhạn bay đi báo hiệu mùa xuân đã qua, để lại con người đứng ngẩn ngơ trước cửa, cảm tưởng như “cánh đồng” cũng trở nên “xa xôi”, như chính mùa xuân vậy. Mùa xuân đi, cảnh vật như trở nên lẻ loi, yên ắng lạ thường, và **hồn người khi ấy lại hòa làm một với cảnh**, tĩnh lại, ngắm nhìn mùa xuân qua. Không gian “đường như xa” không chỉ là không gian vật lý, mà là không gian của tâm hồn, chủ thể trữ tình cảm thấy như xuân đi, hồn mình cũng trở nên xa vắng, trống rỗng, vạn vật xung quanh bỗng trở nên xa lạ.
- Là một **nỗi buồn tinh tế mà lặng lẽ**, cảm giác cô đơn bên trong được **không gian bên ngoài phản chiếu**. “Cánh đồng trước cửa” vẫn thế, mà trở nên “đường như xa xôi” là vì hồn người, do người đã thay đổi tâm trạng khi đàn nhạn đi, khi sự chia ly hay mất mát đã xảy ra. Ở đây, ta nhận thấy nhà thơ đã dùng tâm hồn để cảm nhận không gian, thiên nhiên xung quanh. Dưới khoảnh khắc tâm trạng hòa điệu cùng thiên nhiên là một nỗi buồn lặng đi vì sự biến đổi và vô thường của thời gian.

2.3. Kobayashi Issa (1763 - 1828)

a) Tác giả

Kobayashi Issa là nhà thơ mang “trái tim trần bi cảm”, thơ ông là những bài thơ dân dã và mộc mạc, là bài ca náo lòng về **định mệnh, số phận con người**. Ông **thương yêu, đồng cảm** cho những phận đời nhỏ bé. Phong cách thơ Issa vừa chân thật, vừa đượm tình - tình thương người, tình yêu vạn vật, sự đồng cảm chân thành nhất.

Thơ Issa có “thi tính là Phật tính” (Nhật Chiêu viết trong cuốn *Thơ ca Nhật Bản*), thấm đẫm **tinh thần Phật giáo**, chứa triết lí sâu xa dù ngôn từ mộc mạc, giản dị - tinh thần từ bi, giác ngộ và sự thấu hiểu sâu sắc về bản chất vô thường của vạn vật.

b) Tác phẩm

1)

“Chậm rì chậm rì
Kia con ốc nhỏ
Trèo núi Fuji”

(Dịch: Nhật Chiêu, *Ba nghìn thế giới thơ*)

Quý ngữ: “ốc sên” → đầu mùa hạ, mùa mưa.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Issa, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:





- **Tình thương yêu những kiếp đời nhỏ bé:** chủ thể trữ tình nhìn thấy hình ảnh con ốc sên bò từ từ lên núi, dù có lẽ cả đời nó chẳng thể chạm đến đỉnh Phú Sĩ, nhưng ông vẫn nhìn thấy, vẫn thương cảm, và cổ vũ. Câu “chậm thôi... chậm thôi” mang đậm tinh thần từ bi với vạn vật: con sên vốn đã chậm, có lẽ nó sẽ gắng hết sức mình để bò nhanh như những loài vật khác, nhưng Issa đã nói với nó, bò “chậm thôi”, bộc lộ sự **đồng cảm** với số phận loài sên, cũng như tình **yêu thương, từ bi** với nó. Ông cảm nhận con ốc sên như một người bạn đồng hành trên đường đời.
- Hình ảnh con ốc sên là biểu tượng cho **tinh thần chậm rãi mà kiên nhẫn**, sức sống dù nhỏ bé lại bền bỉ. Issa nhìn nó bằng con mắt cảm thông và tôn trọng, không hề cười chê mà lại là sự trân trọng mảnh đời kiên trì ấy, với nỗ lực âm thầm mà ít người nhìn thấy.
- Núi Phú Sĩ ẩn dụ cho con đường tu tập của Phật giáo, với con ốc sên là con người. Ở đó, mỗi bước tiến, dù chậm, vẫn mang giá trị tốt đẹp, bởi điều quan trọng là **tâm hướng thượng**, không phải tốc độ hay kết quả.

2)

“Bên dòng Sumida
Chú chuột kia uống nước
Mưa mùa Xuân pha.”

(Dịch: Nhật Chiêu, *Ba nghìn thế giới thơm*)

Quý ngữ: “mưa mùa xuân” → mùa xuân.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Issa, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- **Cảnh tượng nhỏ bé, bình dị** khi chú chuột uống nước dòng sông đã pha với mưa xuân gợi lên một thế giới **vạn vật hòa điệu**, mọi sinh linh được sống trong yên bình, là lời cảm thán tràn đầy **niềm vui an nhiên** của nhà thơ. Một hình ảnh đời thường mà nhiều người bỏ qua, nhưng chính nhờ khoảnh khắc ấy, Issa nhìn thấy vẻ đẹp, sự an hòa của mọi sinh linh, dù nhỏ bé hay to lớn.
- **Phật tính** trong thơ Issa: con chuột, một loài vật thường bị chê ghét, Issa lại thấy nó đang sống yên lành, hòa mình với thiên nhiên. Cái nhìn ấy bộc lộ lòng từ bi, nhìn thấy cái đẹp, cái đáng yêu thương, cái bình đẳng giữa muôn loài, giữa vạn vật. Con chuột tắm mình trong làn nước xuân được thừa nhận như một phần của vẻ đẹp vĩnh hằng ở cuộc đời.

→ Đây là một bài thơ nhỏ về hình thức nhưng lớn về tâm hồn.

2.4. Masaoka Shiki (1867 - 1920)

a) Tác giả

Thơ haiku của Masaoka Shiki nổi bật với sự **cải cách, hiện thực hóa** và tập trung vào cuộc sống thường nhật. Tiếp thu chủ nghĩa hiện thực từ văn học phương Tây, Shiki hướng tới việc quan sát thiên nhiên một cách chân thực, thay vì lãng mạn hóa nó. Ông thay đổi cách tiếp cận, bắt đầu bằng việc khám phá thế giới nội tâm cá nhân và mở rộng ra những con người khác mà vẫn giữ được tinh thần mùa truyền thống.

Phong cách tả thực (shasei): quan sát thực tế một cách trung thực, không thêm thắt ước lệ, hình ảnh cầu kỳ với ngôn từ giản dị nhưng tinh tế, đầy cảm xúc.

Ông là người mở đường cho thơ haiku hiện đại (kindai haiku).

b) Tác phẩm

1)

“Vừa cần miếng hồng
chuông chùa Horyu vang
thu sang.”

(Dịch: Nguyễn Vũ Hiệp, *Haiku như một nghệ thuật sống (Kỳ 2)*)

Quý ngữ: “thu” → mùa thu

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Shiki, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- Cốt lõi của shasei: **phác họa hiện thực**, chỉ là một khoảnh khắc thực, con người cần một miếng hồng, tiếng chuông chùa vang lên và cảm tưởng như thu sang. Không có ẩn dụ, không có trừu tượng, chỉ có cảm giác trực tiếp của vị miếng hồng, âm vang của chùa và không khí mùa thu.





- Chỉ là một khoảnh khắc “thực” nhất, rất nhỏ nhưng lại miêu tả được sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người: “cần miếng hồng”, tiếng chuông vang và mùa thu đến. Sự hòa quyện ấy là một khoảnh khắc đời thường nhất, ở một hành động bình thường nhất của con người là ăn và tiếng chuông chùa vang, ấy vậy mà nhà thơ đã cảm nhận được không khí, cảm giác hay hương vị của thu sang chỉ bằng một lúc hai thứ ấy hòa chung một nhịp.
- Mọi sự vật hòa điệu với nhau trong khí trời mùa thu, khung cảnh giản dị được nâng lên thành **cái đẹp thuần khiết**, bài thơ là cái đẹp của “vô niệm” - để người đọc tự cảm. Không chỉ cảm giác gió se lạnh hay tiếng ve tắt dần, mà ở bài thơ, mùa thu đến được cảm nhận bằng cả vị giác, thính giác và xúc giác.

→ Màu sắc hiện đại: không còn “ý tại ngôn ngoại”, Shiki đưa ra một hiện thực khách quan nhất, lại chạm đến cảm xúc người đọc.

2)

“Đứa trẻ quê
ném hòn sỏi nhỏ
ếch nhảy lên.”

(Dịch: Nguyễn Vũ Hiệp, *Haiku như một nghệ thuật sống* (Kỳ 2))

Quý ngữ: “ếch” → mùa xuân.

Từ đặc trưng thơ haiku và đặc điểm nổi bật của phong cách nhà thơ Shiki, có thể gợi nên những suy ngẫm khác nhau:

- **Khung cảnh tả thực:** đứa bé ném hòn sỏi nhỏ xuống vùng nước, và con ếch nhảy lên. Thực, mà miêu tả một khoảnh khắc cực kỳ sống động của thiên nhiên và con người, khi hai hành động nguyên nhân, đứa bé ném hòn sỏi và kết quả, con ếch nhảy lên, được diễn tả trong cùng một nhịp đập, thể hiện tính nhất thể của vạn vật xuất hiện ở những khía cạnh bình thường của cuộc sống.. Đó là một khoảnh khắc như chứa cả **nhịp sống của vũ trụ**: hành động - phản ứng, người - vật, động - tĩnh, hiện thực - thi vị; mà khoảnh khắc ấy vốn chỉ là một **khoảnh khắc đời thường**, ở vùng quê. Nhà thơ trân trọng và yêu thương mọi khoảnh khắc của con người và loài vật.
- Shiki không hề miêu tả cảm xúc, nhưng người đọc tự cảm thấy **niềm vui sống** trong khoảnh khắc ấy, một hình ảnh đơn giản mà đầy sức sống, được cảm nhận bằng thị giác, thính giác: tiếng động của hòn sỏi rơi “tôm” xuống sông hay tiếng “tách” của con ếch nhảy lên. Người đọc nhận ra niềm vui ở việc quan sát những khoảnh khắc đơn giản của vạn vật, cảm nhận sinh khí giữa tiết trời mùa xuân.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng, N. T. M. (2017, ngày 19 tháng 01). *Mỹ cảm Aware trong quan niệm thẩm mỹ của người Nhật*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. <http://vanhoanghethuat.vn/my-cam-aware-trong-quan-niem-tham-my-cua-nguoi-nhat.htm>
- Khoa Văn học - Ngôn ngữ. (2023, ngày 25 tháng 12). *Aware – một phạm trù cơ bản của mỹ học Nhật Bản*. Redsvn. <https://redsvn.net/aware-mot-pham-tru-co-ban-cua-my-hoc-nhat-ban2/>
- Lâm, T. M. (2014, ngày 14 tháng 11). *Phật tính trong thơ Haiku của Kobayashi Issa*. Facebook. <https://www.facebook.com/mai.cong.lap.2025/posts/3461790250781420>
- Nguyễn, B. D. (n.d.). *Tìm hiểu phong cách thơ Haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa* [Slide thuyết trình]. Slideshare. <https://www.slideshare.net/slideshow/phong-cch-th-haiku-ca-matsuo-basho-yosa-buson-v-kobayashi-issa/29467756>
- Trần, V. Đ. (2020, ngày 25 tháng 04). *Chiêm nghiệm “Thoát xác” giữa đại dịch*. Luxuo. <https://luxuo.vn/culture/chiem-nghiem-thoat-xac-giua-dai-dich.html>
- Văn, L. H. (2008, ngày 27 tháng 05). *Một số đặc điểm của thơ Haiku Nhật Bản*. Tạp chí Sông Hương. <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c85/n261/Mot-so-dac-diem-cua-tho-Haiku-Nhat-Ban.html>
- Văn, L. H. (2009, ngày 02 tháng 03). *Những sắc thái cảm thức thẩm mỹ trong thơ Haiku Nhật Bản*. Tạp chí Sông Hương. <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c142/n1474/Nhung-sac-thai-cam-thuc-tham-my-trong-tho-Haiku-Nhat-Ban.html>
- Hồ, D. P. L. (2018, ngày 22 tháng 07). *Mùa xuân trong thơ Yosa Buson*. Một chút dấu yêu. <https://hodiepphonglan.blogspot.com/2018/07/mua-xuan-trong-tho-yosa-buson.html>
- Nguyễn, V. H. (2023, ngày 15 tháng 08). *Haiku như một nghệ thuật sống*. VnExpress. <https://tiasang.com.vn/haiku-nhu-mot-nghe-thuat-song-ky-2-4969415.html>

